TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2024/QĐST-DS	*H, ngày 29 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 143 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 282, Điều 463, Điều 466; Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 21/02/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962.
Bà Phạm Thị D, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963
Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983,

Anh Phạm Thăng L, sinh năm 1990,

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Phạm Văn Tùng, sinh năm 1992,

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị T, anh T, anh L là con bà T, ông Ch đã chết)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền nợ: Tháng 10/2019, bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Minh Ch (vợ chồng) vay của ông Đ, bà D số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 1%/ tháng, theo giấy vay tiền ngày 11/10/2019 (AL). Tháng 02/2021 ông Ch chết, nên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 8/2023 đến tháng 02/2024 là 14.000.000đồng chưa trả. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 214.000.000 đồng. Nay ông Chuyển chết thì toàn bộ số tiền nợ trên bà T nhận chịu trách nhiệm trả cho ông Đ và bà D.

Về thời gian và phương thức trả nợ: Chậm nhất là vào ngày 10/3/2024 (AL), bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ là 214.000.000đ (hai trăm mười bốn triệu đồng). Nếu bà Nguyễn Thị T không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ khi đến hạn như đã cam kết, thì ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị D có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để thi hành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án cón phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Miễn án phí có giá ngạch cho bà Nguyễn Thị T, trả lại số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng cho ông Đ, bà D theo biên lai thu tiền số AA/2022/0005356 ngày 06/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HL;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi